

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Tại sao chim và cá di cư?

- A. Do chế độ ánh sáng thay đổi (trời âm u thiếu ánh sáng).
- B. Do thời tiết thay đổi (trời lạnh giá) khan hiếm thức ăn.
- C. Chu kì sống trong năm của các loài chim - cá di cư có những giai đoạn khác nhau.
- D. Muốn lấy thức ăn khác cho phong phú.

Câu 2: Ở người già, khi huyết áp cao dễ bị xuất huyết não vì

- A. mạch bị xơ cứng, máu bị ứ đọng, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.
- B. mạch bị xơ cứng, tính đàn hồi kém, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.
- C. mạch bị xơ cứng nên không co bóp được, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.
- D. thành mạch dày lên, tính đàn hồi kém, đặc biệt là các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

Câu 3: Hậu quả đối với trẻ em khi thiếu tiroxin là:

- A. người bé nhỏ hoặc người khổng lồ.
- B. các đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển.
- C. chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém.
- D. các đặc điểm sinh dục phụ nam kém phát triển.

Câu 4: Sinh sản vô tính ở thực vật là cây non được sinh ra mang đặc tính

- A. giống và khác cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.
- B. giống cây mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.
- C. giống bố mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.
- D. giống cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.

Câu 5: Ý nào sau đây không đúng với vai trò của thức ăn đối với sự sinh trưởng và phát triển ở động vật?

- A. Gia tăng phân bào tạo nên các mô, cơ quan, hệ cơ quan.
- B. Cung cấp năng lượng cho mọi hoạt động sống của cơ thể.
- C. Làm tăng khả năng thích ứng với mọi điều kiện sống bất lợi của môi trường.
- D. Cung cấp nguyên liệu để tổng hợp các chất hữu cơ.

Câu 6: Trong sinh sản sinh dưỡng ở thực vật, cây mới được tạo ra

- A. chỉ từ rễ của cây.
- B. chỉ từ một phần thân của cây.
- C. từ một phần của cơ quan sinh dưỡng của cây.
- D. chỉ từ lá của cây.

Câu 7: Ở người, thừa vitamin A gây hiện tượng chán ăn, buồn nôn, dị tật thai nhi hoặc ngộ độc cơ thể. Ngược lại, thiếu vitamin A ở người sẽ gây nên bệnh

- A. khô mắt.
- B. còi xương.
- C. suy dinh dưỡng.
- D. bướu cổ.

Câu 8: Điều không đúng khi nói về hình thức thụ tinh ở động vật là

- A. thụ tinh ngoài là sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái diễn ra bên ngoài cơ thể con cái.
- B. thụ tinh ngoài là sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái diễn ra bên trong cơ thể con cái.
- C. thụ tinh ngoài làm tăng hiệu quả thụ tinh.
- D. thụ tinh trong làm tăng tỷ lệ sống sót của con non.

Câu 9: Sinh sản theo kiểu giao phối tiến hóa hơn sinh sản vô tính là vì thế hệ sau có sự

A. đồng nhất về mặt di truyền tạo ra khả năng thích nghi đồng loạt trước sự thay đổi của điều kiện môi trường.

B. tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

C. tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp có hại và tăng cường khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

D. tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp có lợi thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

Câu 10: Hình thức sinh sản của cây dương xỉ là sinh sản

- A. bằng bào tử.
- B. phân đôi.
- C. dinh dưỡng.
- D. hữu tính.

Câu 11: Để nhân giống cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành vì

- A. phương pháp này giúp rút ngắn thời gian sinh trưởng của cây, sớm thu hoạch và biết trước đặc tính của quả.
- B. cây con dễ trồng và ít công chăm sóc.
- C. phương pháp này giúp tránh được sâu bệnh gây hại.
- D. phương pháp này giúp nhân giống nhanh và nhiều.

Câu 12: Phát triển ở thực vật là toàn bộ những biến đổi diễn ra trong chu kỳ sống của cá thể biểu hiện qua

- A. ba quá trình liên quan với nhau là sinh trưởng, phân hóa và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.
- B. hai quá trình liên quan với nhau: phân hóa và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.
- C. hai quá trình liên quan với nhau: sinh trưởng và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.
- D. ba quá trình không liên quan với nhau: sinh trưởng, phân hóa và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan của cơ thể.

Câu 13: Ở người trưởng thành, mỗi chu kì tim kéo dài

- A. 0,8 giây ; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.
- B. 0,1 giây ; trong đó tâm nhĩ co 0,2 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,5 giây.
- C. 0,6 giây ; trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,2 giây, thời gian dẫn chung là 0,6 giây.
- D. 0,12 giây ; trong đó tâm nhĩ co 0,2 giây, tâm thất co 0,4 giây, thời gian dẫn chung là 0,6 giây.

Câu 14: Tắm nắng vào lúc sáng sớm hay chiều tối (ánh sáng yếu) có lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của trẻ nhỏ vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò

- A. chuyển hóa K để hình thành xương.
- B. oxi hóa để hình thành xương.
- C. chuyển hóa Ca để hình thành xương.
- D. chuyển hóa Na để hình thành xương.

Câu 15: Sinh trưởng và phát triển của động vật qua biến thái không hoàn toàn là trường hợp ấu trùng phát triển

- A. hoàn thiện, qua nhiều lần biến đổi ấu trùng biến thành con trưởng thành.
- B. chưa hoàn thiện, qua nhiều lần biến đổi ấu trùng biến thành con trưởng thành.
- C. chưa hoàn thiện, qua một lần lột xác ấu trùng biến đổi thành con trưởng thành.
- D. chưa hoàn thiện, qua nhiều lần lột xác ấu trùng biến đổi thành con trưởng thành.

Câu 16: Hệ dẫn truyền tim gồm:

- A. nút xoang nhĩ, nút nhĩ thất, bó His và mạng Puôckin.
- B. hai tâm nhĩ, hai tâm thất và các van tim.
- C. dây thần kinh giao cảm và phó giao cảm.
- D. hệ nội tâm và hệ ngoại tâm.

Câu 17: Hình thức sinh sản vô tính đơn giản nhất ở động vật là

- A. nảy chồi.
- B. trinh sinh.
- C. phân mảnh.
- D. phân đôi.

Câu 18: Khi chạm tay phải gai nhọn , trật tự nào sau đây mô tả đúng cung phản xạ co ngón tay?

- A. Thụ quan đau ở da → tủy sống → sợi vận động của dây thần kinh tủy → các cơ ngón tay.
- B. Thụ quan đau ở da → sợi cảm giác của dây thần kinh tủy → tủy sống → sợi vận động của dây thần kinh tủy → các cơ ngón tay.
- C. Thụ quan đau ở da → sợi vận động của dây thần kinh tủy → tủy sống → sợi cảm giác của dây thần kinh tủy → các cơ ngón tay.
- D. Thụ quan đau ở da → sợi cảm giác của dây thần kinh tủy → tủy sống → các cơ ngón tay.

Câu 19: Sinh sản vô tính ở động vật là từ một cá thể

- A. sinh ra một hay nhiều cá thể giống hoặc khác mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.
- B. luôn sinh ra nhiều cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.
- C. sinh ra một hay nhiều cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.
- D. luôn sinh ra chỉ một cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.

Câu 20: Thụ tinh trong tiến hóa hơn thụ tinh ngoài là vì

- A. không nhất thiết phải cần môi trường nước.
- B. cho hiệu suất thụ tinh cao.
- C. hạn chế tiêu tốn năng lượng.
- D. không chịu ảnh hưởng của các tác nhân môi trường.

- Câu 21:** Sau một thời gian bị đứt đuôi, thằn lằn mọc đuôi mới. Hiện tượng “mọc đuôi” này là hình thức
A. sinh sản vô tính. **B.** sinh sản hữu tính. **C.** nảy chồi. **D.** tái sinh bộ phận.
- Câu 22:** Điều không đúng đối với sự tiến hóa của hệ thần kinh là tiến hóa theo hướng
A. phản ứng chính xác và thích ứng trước kích thích của môi trường.
B. tiết kiệm năng lượng trong phản xạ.
C. tăng lượng phản xạ nên cần nhiều thời gian để phản ứng.
D. từ dạng lưới → chuỗi hạch → dạng ống.
- Câu 23:** Điều nào sau đây nói về hướng tiến hóa về sinh sản của động vật?
A. từ sinh sản vô tính đến sinh sản hữu tính, từ thụ tinh ngoài đến thụ tinh trong, từ đẻ trứng đến đẻ con.
B. từ sinh sản hữu tính đến sinh sản vô tính, từ thụ tinh ngoài đến thụ tinh trong, từ đẻ trứng đến đẻ con.
C. từ sinh sản vô tính đến sinh sản hữu tính, từ thụ tinh trong đến thụ tinh ngoài, từ đẻ trứng đến đẻ con.
D. từ sinh sản vô tính đến sinh sản hữu tính, thụ tinh trong đến thụ tinh ngoài, từ đẻ con đến đẻ trứng.
- Câu 24:** Ở người trưởng thành, nhịp tim thường vào khoảng
A. 65 lần/phút **B.** 85 lần/phút **C.** 95 lần/phút **D.** 75 lần/phút
- Câu 25:** Trong hệ mạch, huyết áp giảm dần từ
A. động mạch → tiểu tĩnh mạch → mao mạch → tiểu động mạch → tĩnh mạch.
B. động mạch → tĩnh mạch → mao mạch.
C. tĩnh mạch → tiểu tĩnh mạch → mao mạch → tiểu động mạch → động mạch.
D. mao mạch → tiểu động mạch → động mạch → tĩnh mạch → tiểu tĩnh mạch.
- Câu 26:** Điều không phải là ưu điểm của hệ tuần hoàn kín so với hệ tuần hoàn hở là:
A. máu đến các cơ quan nhanh nên đáp ứng được nhu cầu trao đổi khí và trao đổi chất.
B. tốc độ máu chảy nhanh, máu thì được xa.
C. máu chảy trong động mạch với áp lực cao hoặc trung bình.
D. tim hoạt động ít tốn năng lượng.
- Câu 27:** Huyết áp là gì?
A. Áp lực máu trong tim.
B. Áp lực máu tác động lên thành mạch.
C. Lực đẩy máu của tim vào động mạch chủ ở pha co tâm thất.
D. Áp lực khi máu di chuyển trong pha dẫn chung.
- Câu 28:** Hệ tuần hoàn của đa số động vật thân mềm và chân khớp được gọi là hệ tuần hoàn hở vì
A. tốc độ máu chảy chậm.
B. còn tạo hỗn hợp máu - dịch mô.
C. máu chảy trong động mạch gây dưới áp lực lớn.
D. giữa mạch đi từ tim (động mạch) và các mạch đến tim (tĩnh mạch) không có mạch nối.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1 (1đ). Nêu quá trình hình thành hạt phấn và túi phôi.

Bài 2 (2đ). Phân biệt sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính ở thực vật.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KỲ II - MÔN: SINH HỌC 11

NĂM HỌC: 2019 - 2020

TRẮC NGHIỆM: Mỗi câu đúng 0.25 điểm

Mã	Câu	Đáp án	Mã	Câu	Đáp án	Mã	Câu	Đáp án	Mã	Câu	Đáp án
170	1	B	246	1	D	325	1	A	493	1	C
170	2	B	246	2	B	325	2	A	493	2	A
170	3	C	246	3	B	325	3	D	493	3	C
170	4	D	246	4	A	325	4	B	493	4	D
170	5	C	246	5	D	325	5	D	493	5	B
170	6	C	246	6	C	325	6	D	493	6	B
170	7	A	246	7	A	325	7	C	493	7	B
170	8	C	246	8	C	325	8	A	493	8	C
170	9	B	246	9	B	325	9	A	493	9	D
170	10	A	246	10	D	325	10	C	493	10	B
170	11	A	246	11	A	325	11	B	493	11	A
170	12	A	246	12	B	325	12	B	493	12	D
170	13	A	246	13	D	325	13	C	493	13	C
170	14	C	246	14	C	325	14	B	493	14	C
170	15	D	246	15	A	325	15	D	493	15	C
170	16	A	246	16	D	325	16	C	493	16	D
170	17	D	246	17	D	325	17	A	493	17	D
170	18	B	246	18	C	325	18	C	493	18	A
170	19	C	246	19	A	325	19	C	493	19	A
170	20	B	246	20	C	325	20	D	493	20	A
170	21	D	246	21	C	325	21	A	493	21	D
170	22	C	246	22	C	325	22	D	493	22	B
170	23	A	246	23	A	325	23	A	493	23	A
170	24	D	246	24	B	325	24	B	493	24	B
170	25	B	246	25	B	325	25	B	493	25	D
170	26	D	246	26	B	325	26	C	493	26	C
170	27	B	246	27	A	325	27	D	493	27	A
170	28	D	246	28	D	325	28	B	493	28	B

TỰ LUẬN

CÂU	NỘI DUNG		ĐIỂM
Câu 1	+ Hình thành hạt phấn: 1 tế bào sinh hạt phấn (2n) giảm phân tạo 4 tế bào đơn bội (n), mỗi tế bào đơn bội nguyên phân 1 lần nữa tạo ra hạt phấn có 2 nhân (nhân sinh dưỡng và nhân sinh sản).		0.5
	+ Hình thành túi phôi: 1 tế bào sinh noãn (2n) giảm phân tạo 4 tế bào đơn bội (n), 3 trong 4 bị thoái hóa, 1 tế bào nguyên phân 3 lần tạo túi phôi (có noãn cầu và nhân phụ 2n).		0.5
	Điểm phân biệt	Sinh sản vô tính	Sinh sản hữu tính
	Khái niệm	Không có sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái, con sinh ra từ một phần của cơ thể mẹ.	Có sự kết hợp của giao tử đực (n) và giao tử cái (n) thông qua thụ tinh tạo hợp tử (2n). Hợp tử phát triển thành cơ thể.

Câu 2	Cơ sở tế bào học	Nguyên phân.	Giảm phân, thụ tinh và nguyên phân.	0.5
	Đặc điểm di truyền	- Các thế hệ con mang đặc điểm di truyền giống nhau và giống mẹ. Ít đa dạng về mặt di truyền.	- Các thế hệ con mang đặc điểm di truyền của cả bố và mẹ, có thể xuất hiện tính trạng mới. - Có sự đa dạng di truyền cao hơn.	0.5
	Ý nghĩa	- Tạo ra các cá thể thích nghi với điều kiện sống ổn định.	- Tạo ra các cá thể thích nghi tốt hơn với đời sống thay đổi	0.5